

Bản án số: 40/2020/HS-PT

Ngày: 20-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiến- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/TLPT-HS ngày 03/02/2020 đối với bị cáo Hoàng Thị Mai T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 197/2019/HSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Hoàng Thị Mai T, sinh năm 1986 tại xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác; không có; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trung B, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; có chồng là Hoàng Minh T, sinh năm: 1982 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2009; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người tham gia tố tụng khác:** Vụ án còn có 4 bị cáo khác, 2 người bào chữa, 2 nguyên đơn dân sự, 3 bị đơn dân sự và 65 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/6/2018, tại quán cà phê L, ở đường H, thành phố B; Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện bị cáo Nguyễn Thị N và Lê Thị D- sinh năm 1988, trú tại: thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là Kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn SHC Vina, địa chỉ: Lô CN 16, Khu công nghiệp V, xã V, huyện V, Bắc Giang) đang có biểu hiện mua bán hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT). Qua điều tra xác định năm 2016 và 2017, Nguyễn Thị N đã có hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT (liên 2) ghi nội dung khống của Công ty TNHH thương mại và xây dựng T (sau đây gọi tắt là Công ty T), địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép 79 số hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị N với Hoàng Thị Mai T.

- *Hành vi mua bán 40 số hóa đơn cho Công ty cổ phần kiến trúc AMB:*

Công ty cổ phần kiến trúc AMB (sau đây gọi tắt là Công ty AMB) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400586375 (thay đổi lần thứ 4 ngày 29/8/2013), địa chỉ: số 4-1/KB, tổ 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ hoạt động hiện nay: số 198, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Người đại diện theo pháp luật là Hoàng Thị Mai T- sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, chức vụ: Giám đốc. Công ty AMB kê khai, báo cáo, thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi cục thuế thành phố B; sử dụng 02 tài khoản là số 2500201007*** mở tại Ngân hàng Agribank- Chi nhánh Bắc Giang và số 92346*** mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- Chi nhánh Bắc Giang. Trong năm 2017, Hoàng Thị Mai T là Giám đốc và trực tiếp làm kế toán, thực hiện hạch toán, kê khai thuế của Công ty AMB. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu và thi công các công trình xây dựng do công ty trúng thầu, Hoàng Thị Mai T đã mua hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân nhưng họ không cung cấp được hóa đơn GTGT. Để hợp thức hóa cho nguồn gốc của số hàng hóa, vật liệu mua vào thì Hoàng Thị Mai T đã liên hệ mua 40 số hóa đơn GTGT (liên 2) khống (không có hàng hóa), tổng số tiền sau thuế là 18.389.213.700đồng của Nguyễn Thị N.

Để hợp thức hóa việc mua bán 40 số hóa đơn nêu trên, khi kê khai, báo cáo thuế, Hoàng Thị Mai T đã chuyển tiền từ tài khoản của Công ty AMB sang tài khoản của Công ty T, sau đó Nguyễn Thị N rút tiền từ tài khoản của Công ty T trả lại cho Hoàng Thị Mai T. Hoàng Thị Mai T phải trả số tiền thỏa thuận mua bán trái phép hóa đơn là 9,5% số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn cho Nguyễn Thị N; theo

đó, Nguyễn Thị N đã thu tiền bán 40 số hóa đơn trên là 1.588.159.365 đồng (16.717.467.000 đồng x 9,5%). Công ty AMB đã kê khai, khấu trừ thuế đối với 40 hóa đơn GTGT trên tại Chi cục Thuế thành phố B, đến nay chưa thực hiện việc điều chỉnh thuế.

- *Hành vi mua, bán 39 số hóa đơn cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng V:*

Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng V (sau đây gọi tắt là Công ty V) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400617***, địa chỉ: số 202, đường M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thùy T- sinh năm 1987, nơi cư trú hiện tại: số 6, ngách 603/24 đường L, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, chức vụ: Giám đốc. Công ty V, mã số thuế 2400617***, kê khai, báo cáo, thực hiện nghĩa vụ thuế tại Chi cục thuế thành phố B; hình thức: kê khai qua mạng Internet, tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Công ty sử dụng tài khoản số 2500201007*** mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- Chi nhánh Bắc Giang.

Quá trình điều tra xác định: Đặng Thùy T là Giám đốc Công ty V nhưng lại nhờ anh trai của T là Đặng Việt H- sinh năm 1983, nơi cư trú: số 10, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang thực hiện điều hành hoạt động của công ty. Quá trình điều hành hoạt động Công ty V, Đặng Việt H có nhờ Hoàng Thị Mai T thực hiện hạch toán, kê khai, báo cáo thuế cho công ty. Khi thực hiện hạch toán, kê khai thuế, Hoàng Thị Mai T phát hiện thiếu hóa đơn GTGT chứng minh hàng hóa đầu vào đối với các công trình xây dựng mà Công ty V đã thi công. Do vậy, cùng với thời điểm Hoàng Thị Mai T mua 40 hóa đơn GTGT liên 2 của Nguyễn Thị N về Công ty AMB, thì Hoàng Thị Mai T đã hỏi và mua 39 số hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị N với tổng số tiền sau thuế là 1.757.923.168 đồng và bảo Nguyễn Thị N xuất về Công ty V. Số tiền chi trả mua hóa đơn cho N, Hoàng Thị Mai T khai nhận từ Đặng Việt H.

Việc mua bán trái phép 39 số hóa đơn GTGT trên thì Hoàng Thị Mai T và Nguyễn Thị N tự chuyển tiền qua tài khoản của 02 công ty. Hoàng Thị Mai T là người trực tiếp trả tiền mặt cho N là 7% số tiền trước thuế đối với hóa đơn GTGT có giá trị trên 20.000.000 đồng và 5% số tiền trước thuế đối với hóa đơn có giá trị dưới 20.000.000 đồng. Theo đó, tổng số tiền Nguyễn Thị N đã thu được từ việc bán trái phép 39 số hóa đơn GTGT trên cho T là 105.776.259 đồng. Trong tổng số 39 số hóa đơn GTGT đã mua trái phép thì Công ty V đã kê khai, khấu trừ thuế đối với 38 số hóa đơn GTGT (trừ hóa đơn GTGT số 0000092 ngày 29/10/2016, số tiền 18.072.525 đồng chưa kê khai khấu trừ thuế) tại Chi cục Thuế thành phố B, đến nay chưa thực hiện việc điều chỉnh thuế.

2. Ngoài hành vi mua bán trái phép hóa đơn với Hoàng Thị Mai T thì Nguyễn Thị N còn có hành vi mua bán trái phép 33 số hóa đơn giá trị gia tăng với Hoàng

Văn Đ- Phó Giám đốc Hợp tác xã T; mua bán trái phép 22 số hóa đơn giá trị gia tăng với Thân Thế V, Phạm Quốc T là cán bộ Công ty cổ phần đường sắt H; mua bán trái phép 18 số hóa đơn giá trị gia tăng với Phạm Văn Đ1- Phó Giám đốc Công ty TNHH thương mại và xây dựng M; bán trái phép tổng số 105 hóa đơn GTGT (liên 2) cho 30 doanh nghiệp, cá nhân khác.

Từ nội dung trên bản cáo trạng số 44/CT-VKS-P1 ngày 06 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo các điểm d, đ, e, khoản 2, Điều 203 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Hoàng Thị Mai T và Hoàng Văn Đ về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo các điểm c, d, e, khoản 2, Điều 203 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Phạm Văn Đ1 và Thân Thế V về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo các điểm c, e, khoản 2, Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 197/2019/HS-ST ngày 10/12/2019 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Hoàng Thị Mai T, Hoàng Văn Đ, Phạm Văn Đ1, Thân Thế V phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d, e khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Mai T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo T 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Luật thuế giá trị gia tăng; Luật quản lý thuế: Buộc Công ty cổ phần kiến trúc AMB nộp bổ sung 1.511.746.700 đồng thuế giá trị gia tăng cho Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 02 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án trước, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 01 năm 02 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ1 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Thân Thế V 220 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước; phạt bổ sung đối với các bị cáo; giải quyết trách nhiệm dân sự, về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 17/12/2019 TAND thành phố B tiếp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị Mai T với nội dung: mức hình phạt 18 tháng tù giam là nặng, đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: Về tội danh bị cáo không thắc mắc gì, bị cáo bị xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Về hình phạt bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Lý do kháng cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và rất ân hận; bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bố bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhì; Chi cục thuế thành phố B yêu cầu Công ty cổ phần kiến trúc AMB phải nộp lại toàn bộ số thuế giá trị gia tăng là 1.671.746.700 đồng. Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khắc phục 160.000.000 đồng, bản án sơ thẩm buộc Công ty cổ phần kiến trúc AMB nộp bổ sung 1.511.746.700 đồng thuế GTGT vào Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Với tư cách Giám đốc Công ty cổ phần kiến trúc AMB, bị cáo đã chủ động dùng tiền cá nhân nộp số tiền 675.900.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Nhà nước. Tổng cộng đến nay bị cáo đã khắc phục được 835.900.000 đồng bằng ½ mức thiệt hại phải khắc phục. Hiện tại bị cáo đang có thai 32 tuần tuổi, sức khỏe không đảm bảo. Kính mong HĐXX xem xét khoan hồng, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

* Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các nội dung kháng cáo của bị cáo nêu ra, đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo là “khắc phục hậu quả” được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51- Bộ luật hình sự và “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n, khoản 1, Điều 51- Bộ luật hình sự cho bị cáo; Từ những căn cứ đó đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357- Bộ luật tố tụng hình sự 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Hoàng Thị Mai T cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo tranh luận: Nhất trí nội dung của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì khác.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về tội danh xét xử đối với bị cáo, HĐXX thấy: Căn cứ lời khai của bị cáo Hoàng Thị Mai T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo khác và những người liên quan, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 01 năm 2018, Nguyễn Thị N đã có hành vi bán trái phép 257 (Hai trăm năm mươi bảy) số hóa đơn GTGT của Công ty T, với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 50.832.451.572 đồng; trong đó:

Bán trái phép cho Hoàng Thị Mai T 79 (bảy mươi chín) số hóa đơn GTGT với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 20.147.136.868 đồng, trong đó có 40 số hóa đơn N thu 9,5% số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn, gây thiệt hại cho nhà nước 1.671.746.700 đồng; 39 số hóa đơn N thu từ 5% đến 7% số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn, gây thiệt hại cho nhà nước 158.168.658 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo N bán trái phép 257 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính 1.433.980.625 đồng, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước 2.831.860.000 đồng nên hành vi của bị cáo Ngọc đủ căn cứ cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” được quy định tại các điểm d, đ, e, khoản 2, Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo T, Đ, Đ1, V: Các bị cáo có mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào của các cá nhân không có đăng ký kinh doanh trên thực tế. Việc mua hóa đơn GTGT chỉ nhằm mục đích hạch toán, chứng minh cho hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào, không nhằm mục đích trốn thuế, không thu lợi bất chính nên hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T mua trái phép 79 số hóa đơn GTGT, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tổng số 1.829.915.358 đồng; bị cáo Đ mua trái phép 33 số hóa đơn GTGT, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 353.392.507 đồng nên hành vi của bị cáo T và bị cáo Đ đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại các điểm d, e, khoản 2, Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đ1 mua 18 số hóa đơn GTGT nhưng gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 263.406.900; bị cáo V mua 15 số hóa đơn đã ghi nội dung nhưng gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 228.910.000 đồng nên hành vi của bị cáo Đ1, bị cáo V đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Từ nội dung trên, HĐXX thấy bản án hình sự sơ thẩm số 197/2019/HSST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” với các tình tiết định khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Các bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo, HĐXX thấy:

[3.1]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1, Điều 52- Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3.2]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn, hối cải; bố đẻ bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng nhì, đã tự nguyện khắc phục 160.000.000 đồng thiệt hại về thuế của Công ty AMB nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3.3]. Về nhân thân bị cáo, HĐXX thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Trong vụ án này bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

[3.4]. Về đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối của bị cáo, HĐXX thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý thuế của Nhà nước, làm suy giảm ngân sách Nhà nước. Do vậy, cần phải xử nghiêm các bị cáo trong vụ án bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này. Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò, tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hoàng Thị Mai T đã xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ, không nặng đối với bị cáo. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt của bị cáo.

[3.5]. Về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, HĐXX thấy: Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện đã nộp số tiền 675.900.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bể khắc phục hậu quả cho Nhà nước. Tổng cộng bị cáo đã khắc phục được $\frac{1}{2}$ mức thiệt hại của Nhà nước theo xác định của bản án sơ thẩm. Căn cứ tài liệu khám thai do Bệnh viện sản nhi Bắc Giang cung cấp ngày 05/3/2020 thì bị cáo đang có thai 31 tuần tuổi. HĐXX xác định đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cho bị cáo được tại điểm b và điểm n, khoản 1, Điều 51- Bộ luật hình sự. Căn cứ vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo như đã nêu trên; Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ quy định tại

Điều 1, Điều 2- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Hoàng Thị Mai T đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy HĐXX chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3.6]. Ngoài ra, quá trình xét xử tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp số tiền 675.900.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Nhà nước thay Công ty cổ phần kiến trúc AMB (do bị cáo làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật), đây là sự tự nguyện của bị cáo nên cần chấp nhận. Số tiền này được thể hiện tại biên lai số AA/2015/0000209 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B cần xác nhận cho bị cáo và Công ty AMB trong quá trình chấp hành bản án. Chi cục Thuế thành phố B được nhận số tiền 675.900.000 đồng do bị cáo nộp.

[3.7]. Từ những nội dung trên, căn cứ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, tại phiên tòa về việc chấp nhận kháng cáo giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật. HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357- Bộ luật tố tụng hình sự 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[4]. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136- BLTTHS; điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Chấp nhận kháng cáo về việc xin được hưởng án treo của bị cáo Hoàng Thị Mai T.

2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 197/2019/HS-ST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Mai T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d, điểm e, khoản 2 và khoản 3, Điều 203; điểm b, điểm s, điểm n, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Mai T 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị Mai T cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69- Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Luật thuế giá trị gia tăng; Luật quản lý thuế:

+ Buộc Công ty cổ phần kiến trúc AMB (do bị cáo Hoàng Thị Mai T là Giám đốc, đại diện theo pháp luật) nộp bổ sung 1.511.746.700 đồng thuế giá trị gia tăng cho Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Xác nhận bị cáo Hoàng Thị Mai T đã nộp số tiền 675.900.000 đồng tại biên lai số AA/2015/0000209 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

+ Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Bắc Giang được nhận số tiền 675.900.000 đồng do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136- Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Thị Mai T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9-

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA cấp sơ thẩm;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

Số: 24/2020/TB-TA

Bắc Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2020.

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự phúc thẩm số: 40/2020/HSPT ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có lỗi nhằm lẫn chính tả khi phát hành bản án cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại dòng 22, 23 từ trên xuống, trang 9, phần “QUYẾT ĐỊNH” của Bản án phúc thẩm nêu trên đã ghi: “Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69- Luật thi hành án hình sự.”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92- Luật thi hành án hình sự.”

2. Vậy HĐXX phúc thẩm thông báo sửa chữa, bổ sung nội dung trên của bản án phúc thẩm để các cơ quan có liên quan, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được biết và thực hiện.

Thông báo này được ban hành kèm theo bản án hình sự phúc thẩm số 40/2020/HSPT ngày 20/3/2020 của TAND tỉnh Bắc Giang.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CA, VKS, TAND cấp sơ thẩm;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND xã Q, huyện L;
- Bị cáo có kháng cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng

